TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỤC NGẠN** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **01**/2022/DS-ST
Ngày: 07-01-2022
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN - TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Đức Nhường.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Vũ Ngọc Côn.

2. Ông Nguyễn Xuân Kiệm.

- Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thị Thu Trang - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà: Ông Hoàng Thành Đạt - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 28, 30 tháng 12 năm 2021 và ngày 07 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 90/2021/TLST-DS ngày 13 tháng 10 năm 2021 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2021/QĐST-DS ngày 25 tháng 11 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 90/2021/QĐST-DS ngày 10 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Dương Thị Kiều M, sinh năm 1982. Có mặt

Địa chỉ: Tổ dân phố T, thị trấn C, huyện LN, tỉnh Bắc Giang.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1964. Có mặt

Địa chỉ: Tổ dân phố T, thị trấn C, huyện LN, tỉnh Bắc Giang.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Nguyễn Mạnh V, sinh năm 1974 (Có mặt).

Địa chỉ: Tổ dân phố T, thị trấn C, huyện LN, tỉnh Bắc Giang.

2. Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1976 (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ dân phố T, thị trấn C, huyện LN, tỉnh Bắc Giang.

3. Ông Nguyễn Đình H, sinh năm 1974. (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ dân phố T, thị trấn C, huyện LN, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời khai của chị Dương Thị Kiều M trình bày:

Chị và ông Nguyễn Văn H có quan hệ quen biết với nhau từ lâu. Do ông H cần tiền để làm ăn kinh doanh nên có hỏi chị vay tiền để làm vốn kinh doanh, chị và chồng chị là anh Nguyễn Mạnh V đã đồng ý cho ông H vay số tiền là 1.550.000.000 đồng (Một tỷ năm trăm năm mươi triệu đồng) với mục đích ông H vay để kinh doanh. Chị là người đưa tiền cho ông H và ông H đã nhận đủ số tiền chị đã đưa cho. Hai bên có làm hợp đồng vay tiền vào ngày 28/11/2019 thời hạn vay từ ngày 28/11/2019 đến ngày 28/01/2020. Chị là người đứng ra ký vào giấy vay nợ với ông H. Khi vay tiền ông H chỉ có một mình còn vợ ông H biết hay không thì chị không biết. Đến thời hạn trả nợ ngày 28/01/2020 thì ông H không thực hiện đúng như cam kết mặc dù chị cũng rất nhiều lần nhắc nhở và cho ông H thời hạn nhưng ông H đến nay vẫn không trả cho chị được bất cứ khoản tiền nợ gốc và nợ lãi nào. Chị cũng xác định đây là khoản nợ cá nhân của ông H không liên quan gì đến vợ ông H. Do vậy, đến nay chị làm đơn khởi kiện ra Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn đề nghị Toà án giải quyết buộc ông H phải trả cho chị số tiền còn nợ là 1.550.000.000 đồng (Một tỷ năm trăm năm mươi triệu đồng) tiền gốc và tiền lãi từ ngày 28/11/2019 đến ngày 01/10/2020 là 22 tháng x1%/tháng = 341.000.000 đồng (Ba trăm bốn mươi mốt triệu đồng) tiền lãi và tiền lãi từ ngày 02/10/2021 tính đến ngày xét xử vụ án.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 14/10/2021 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Văn H trình bày:

Ông và vợ chồng chị M anh V có mối quan hệ quen biết với nhau từ trước. Ông có nhiều lần vay tiền của chị M anh V từ năm 2015, ông vay làm nhiều lần để sử dụng việc riêng của ông. Ông vay làm nhiều lần từ năm 2015 đến nay, khi vay các bên đều có giấy vay nợ từng ngày, tháng nhưng do chị M giữ ông không giữ, sau đó ông cũng trả được lãi nhiều lần nhưng chưa trả gốc. Đến đầu năm 2019 ông còn nợ lại chị M số tiền gốc là 1.550.000.000 đồng (Một tỷ năm trăm năm mươi triệu đồng) đến nay do điều kiện khó khăn ông chưa trả được. Đối với hợp đồng vay nợ ngày 28/11/2019 chị M cung cấp cho Toà án thì ông khẳng định ông có làm

giấy vay nợ và ký trong hợp đồng vay nợ với số tiền vay là 1.550.000.000 đồng. Nay chị M khởi kiện ông trả 1.550.000.000 đồng (Một tỷ năm trăm năm mươi triệu) tiền gốc và 341.000.000 đồng (Ba trăm bốn mươi mốt triệu đồng) tiền lãi theo yêu cầu khởi kiện của chị M ông đồng ý. Nhưng vì điều kiện khó khăn ông đề nghị chị M cho ông trả làm nhiều lần. Việc vay nợ chị M là việc riêng của ông không liên quan gì đến vợ ông Nguyễn Thị M. Ông vay để giải quyết việc cá nhân chị M không hề biết việc này.

Tại bản tự khai những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:

1. Chị Nguyễn Thị M trình bày: Chị là vợ của anh Nguyễn Văn H, chị có biết vợ chồng anh V chị M. Khi Tòa án thông báo việc chị Dương Thị Kiều M khởi kiện buộc chồng chị là ông Nguyễn Văn H phải trả số tiền là 1.550.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi tính từ ngày 28/11/2019 đến ngày 01/10/2021 là 341.000.000 đồng thì chị mới biết việc này. Về khoản vay này của ông H từ trước đến nay ông H không nói gì với chị nên chị không được biết. Chị xác định việc chị M khởi kiện ông Nguyễn Văn H không liên quan gì đến chị, số tiền ông H vay chị M anh H sử dụng vào việc riêng của ông H không liên quan tới chị. Việc ông H và chị M giải quyết như thế nào là việc riêng của chị M ông H. Chị đề nghị được vắng mặt trong tất cả các phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, giao nộp công khai chứng cứ và hoà giải cũng như vắng mặt trong tất cả các phiên tòa xét xử vụ án.

2. Anh Nguyễn Mạnh V trình bày: Anh và ông Nguyễn Văn H có quan hệ quen biết với nhau từ lâu. Do ông H cần tiền để làm ăn kinh doanh nên có hỏi vợ chồng anh vay tiền để làm vốn kinh doanh. Do có một khoản tiền chưa dùng đến và là chỗ thân quen nên vợ chồng anh đã đồng ý để cho ông H vay tiền. Ngày 28/11/2019 ông H có đến nhà anh vay tiền vợ chồng anh và vợ chồng anh đã đồng ý cho ông H vay tiền với số tiền là 1.550.000.000 đồng (Một tỷ năm trăm năm mươi triệu đồng) với mục đích ông H vay để kinh doanh. Vợ anh là chị Dương Thị Kiều M là người đưa tiền cho ông H và ông H nhận đủ số tiền chị M đã đưa cho. Ngày 28/11/2019 hai bên có làm hợp đồng vay tiền thời hạn vay từ ngày 28/11/2019 đến ngày 28/01/2020. Lãi suất hai bên thoả thuận bằng miệng không ghi vào trong hợp đồng. Do để thuận tiện nên anh để chị M là người đứng ra ký vào hợp đồng vay nợ với ông H. Khi vay tiền ông H chỉ có một mình còn vợ ông H biết hay không thì anh không biết. Đến thời hạn thanh toán vợ chồng anh rất nhiều lần nhắc nhở và cho ông H thời hạn nhưng ông H vẫn không trả. Đến nay chị Dương Thị Kiều M làm đơn khởi kiện ra Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn đề nghị Toà án giải quyết buộc ông H phải trả cho chị M số tiền còn nợ là 1.550.000.000

đồng (Một tỷ năm trăm năm mươi triệu đồng) tiền gốc và tiền lãi từ ngày 28/11/2019 đến ngày 01/10/2020 là 22 tháng x1%/tháng = 341.000.000 đồng (Ba trăm bốn mươi mốt triệu đồng) tiền lãi và tiền lãi từ ngày 02/10/2021 tính đến ngày xét xử. Anh đồng ý yêu cầu khởi kiện của chị M.

Trong quá trình giải quyết vụ án chị Dương Thị Kiều M đề nghị Toà án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời. Ngày 8/10/2021 Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn đã ra Quyết định số 03/2021/QĐ-BPKCTT áp dụng biện pháp "Phong toả tài sản của người có nghĩa vụ" đối với tài sản của ông Nguyễn Văn H là 02 diện tích đất và tài sản trên trên đất đứng tên ông Nguyễn Văn H tại tổ dân phố Trần Phú, thị trấn Chũ, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang. Ông H làm thủ tục tặng cho em trai là Nguyễn Đình H, sinh năm 1974 cùng địa chỉ: Tổ dân phố T, thị trấn C, Lục Ngạn, Bắc Giang. Trong quá trình giải quyết vụ án Toà án làm việc với ông Nguyễn Đình H, ông H trình bày:

Việc chị Dương Thị Kiều M khởi kiện ông Nguyễn Văn H phải trả số tiền gốc là 1.550.000.000 đồng (Một tỷ năm trăm năm mươi triệu đồng) và tiền lãi, anh xác định anh không liên quan gì đến việc vay nợ của ông H chị M. Đây là việc riêng của ông H. Trong quá trình giải quyết vụ án anh có được biết Toà án đã ra Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 03/2021/QĐ- BPKCTT ngày 8/10/2021. Áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời "Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ" quy định tại khoản 11 Điều 114, Điều 126 Bộ luật tố tụng dân sự: Phong tỏa tài sản của ông Nguyễn Văn H gồm: 1. Diện tích đất 123m^2 đất ở đô thị tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CA 808916; Số vào sổ cấp GCN: CH001017; Quyết định cấp sổ số: 2123/QĐ-UBND do Ủy ban nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang cấp cho ông Nguyễn Văn H vào ngày 7/10/2015. (Ngày 24/9/2021 Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Lục Ngạn xác nhận chuyển quyền cho ông Nguyễn Văn H theo Văn bản thoả thuận phân chia tài sản chung của vợ chồng, hồ sơ số 6141 ngày 20/9/2021). Thửa đất lô số 26 tờ bản đồ số 01, Địa chỉ thửa đất tại Tổ dân phố T, thị trấn C, huyện LN, tỉnh Bắc Giang; 2. Diện tích đất 177m^2 đất ở đô thị tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CD 415014; Số vào sổ cấp GCN: CH01089; Quyết định cấp sổ số: 91/QĐ-UBND do Ủy ban nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang cấp cho ông Nguyễn Văn H vào ngày 02/03/2016. (Ngày 24/9/2021 Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Lục Ngạn xác nhận chuyển quyền cho ông Nguyễn Văn H theo Văn bản thoả thuận phân chia tài sản chung của vợ chồng, hồ sơ số 6140 ngày 20/9/2021). Thửa đất lô

số 27, Địa chỉ thửa đất tại Tổ dân phố T, thị trấn C, huyện LN, tỉnh Bắc Giang. Hai thửa đất liền kề nhau (Lô số 26, 28) trên hai thửa đất này có: 01 nhà 03 tầng.

Đối với 02 thửa đất Toà án đang áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời nêu trên anh là em trai của ông Nguyễn Văn H. Ông H có làm thủ tục tặng cho anh 02 thửa đất trên. Mục đích ông H làm thủ tục tặng cho anh là do hiện nay anh đang làm Giám đốc công ty TNHH Ứng dụng công nghệ sạch Thiên Trường nên có thể vay được số tiền nhiều hơn và vay dễ hơn để anh H trang trải nợ nan. Đến nay Toà án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đối với diện tích đất trên theo yêu cầu của chị M thì anh không có ý kiến gì, không ảnh hưởng gì đến quyền lợi của anh. Việc giải quyết như thế nào do ông H giải quyết với chị M không liên quan gì tới anh. Đến nay anh xác định không liên quan gì đến vụ án. Anh đề nghị Toà án cho anh từ chối tham gia tố tụng tại Toà án. Đề nghị Toà án không đưa anh tham gia tố tụng trong vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay: Chị Dương Thị Kiều M vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn H phải thanh toán cho chị số tiền nợ gốc là 1.550. 00.000 đồng (Một tỷ năm trăm năm mươi triệu đồng). Về tiền lãi trong đơn khởi kiện chị yêu cầu ông H phải trả chị tiền lãi tính từ ngày 28/11/2019 đến ngày 01/10/2020 là 22 tháng x1%/tháng = 341.000.000 đồng và yêu cầu tiền lãi tính lãi suất 1%/tháng tính từ ngày 02/10/2021 và tính đến ngày xét xử. Nay chị yêu cầu ông Nguyễn Văn H phải trả cho chị số tiền lãi của khoản tiền nợ gốc 1.550.00.000 đồng (Một tỷ năm trăm năm mươi triệu đồng) từ ngày 29/01/2020 đến ngày xét xử 07/01/2022 là 23 tháng 8 ngày với lãi xuất là 1%/tháng (1.550.000.000 đồng x 1%/tháng = 15.500.000 đồng/tháng = 516.600 đồng/ngày) = 360.632.000 đồng (Ba trăm sáu mươi triệu sáu trăm ba mươi hai nghìn đồng), anh Nguyễn Mạnh V đồng ý với yêu cầu khởi kiện của chị M anh xác định đây là khoản tiền chung của vợ chồng anh cho ông H vay nên anh đề nghị ông H phải trả số tiền gốc và lãi cho anh và chị M.

Bị đơn ông Nguyễn Văn H thừa nhận có ký giấy hợp đồng vay nợ ngày 28/11/2019 với chị M để vay số tiền gốc là 1.550.000.000 đồng (Một tỷ năm trăm năm mươi triệu đồng). Lãi suất hai bên thỏa thuận ở ngoài không ghi vào trong hợp đồng, trong thời hạn vay 3 tháng từ 28/11/2019 đến 28/01/2020 ông có trả lãi cho chị M tuy nhiên lãi suất cụ thể và số tiền lãi là bao nhiêu ông không nhớ. Hết thời hạn vay vào ngày 28/01/2020 ông không trả được số tiền nợ gốc và nợ lãi như 2 bên thỏa thuận do điều kiện kinh tế khó khăn từ đó đến nay ông cũng không trả được nợ cho chị M anh V tiền gốc cũng như tiền lãi. Ông cũng xác định đây là

khoản nợ riêng của ông không liên quan gì đến vợ ông Nguyễn Thị M. Ông đồng ý trả số nợ gốc theo như hợp đồng vay ngày 28/11/2019 là 1.550.000.000 đồng (Một tỷ năm trăm năm mươi triệu đồng) và đồng ý trả số tiền lãi từ ngày 29/01/2020 đến ngày xét xử 07/01/2022 là 23 tháng 08 ngày, ông đồng ý với mức lãi suất theo yêu cầu của chị M là 1%/tháng với số tiền lãi là 360.632.000 đồng. Tuy nhiên do điều kiện kinh tế khó khăn nên ông đề nghị chị M anh V cho ông được trả số tiền gốc 1.350.000.000 đồng (Một tỷ ba trăm năm mươi triệu đồng) trong thời hạn 20 ngày với điều kiện chị M rút đơn khởi kiện để ông lấy tài sản đi vay Ngân hàng trả số tiền trên cho chị M anh V. Toàn bộ số tiền gốc còn lại và toàn bộ số tiền lãi đề nghị chị M anh V cho ông xin không phải trả số tiền này. Chị M, anh V không đồng ý với đề nghị của ông H tại phiên toà. Ông H xác định nếu chị M anh V không rút đơn thì ông không thể vay tiền Ngân hàng để trả nợ cho chị M anh V được. Ông vẫn chấp nhận trả số tiền nợ gốc là 1.550.000.000 đồng (Một tỷ năm trăm năm mươi triệu đồng) và số nợ lãi theo yêu cầu của chị M anh V nhưng hàng tháng ông chỉ có thể trả cho chị M anh V được 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) cho đến khi hết nợ vì hiện nay ông không có công việc ổn định.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của các đương sự. Thẩm phán đã thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng, xác định đúng thẩm quyền, quan hệ pháp luật, thu thập chứng cứ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng nguyên tắc, trình tự tố tụng dân sự. Các đương sự đã chấp hành đúng các quy định về quyền nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 73 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Dương Thị Kiều M. Buộc ông Nguyễn Văn H phải trả cho chị Dương Thị Kiều M và anh Nguyễn Mạnh V số tiền nợ gốc là 1.550.000.000 đồng (Một tỷ năm trăm năm mươi triệu đồng) và tiền lãi tính từ ngày 29/01/2020 đến ngày 07/01/2022 là 23 tháng 8 ngày x 1%/tháng = 360.632.000 đồng (Ba trăm sáu mươi triệu sáu trăm ba mươi hai

nghìn đồng). Tổng cả gốc và lãi là 1.910.632.000 đồng (Một tỷ chín trăm mười triệu sáu trăm ba mươi hai nghìn đồng).

- Về án phí: Buộc ông Nguyễn Văn H phải chịu 69.318.900 đồng (Sáu mươi chín triệu ba trăm mười tám nghìn chín trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại chị Dương Thị Kiều M số tiền 34.400.000 đồng (Ba mươi tư triệu bốn trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0010402 ngày 10/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn chị Dương Thị Kiều M khởi kiện ông Nguyễn Văn H về việc thanh toán khoản tiền vay 1.550.000.000 đồng (Một tỷ năm trăm năm mươi triệu đồng) theo Hợp đồng vay tiền ngày 28/11/2019 đến nay ông H vi phạm về thời hạn thanh toán các bên thỏa thuận trong hợp đồng vay tiền. Ông Nguyễn Văn H có nơi cư trú tại tổ dân phố T, thị trấn C, huyện LN, tỉnh Bắc Giang. Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, xác định đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

[1.2]. Về việc vắng mặt của những người tham gia tố tụng:

Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị M, anh Nguyễn Đình H vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị M, anh H.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy:

[2.1]. Căn cứ các tài liệu do phía nguyên đơn xuất trình và các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện chị Dương Thị Kiều M, anh Nguyễn Mạnh V và ông Nguyễn Văn H có quan hệ quen biết nhau. Do cần tiền để sử dụng vào việc riêng nên ông Nguyễn Văn H đã đặt vấn đề vay tiền của chị M anh V. Hai bên tự nguyện thỏa thuận. Chị M ông H đều xác nhận có thoả thuận về lãi suất nhưng chỉ là thoả thuận bằng miệng không ghi vào trong hợp đồng. Hợp đồng vay do ông Nguyễn Văn H trực tiếp ký ghi rõ họ tên.

Nay chị Dương Thị Kiều M đề nghị Tòa án buộc ông Nguyễn Văn H phải trả chị số tiền nợ gốc là 1.550.00.000 đồng (Một tỷ năm trăm năm mươi triệu

đồng) từ ngày 29/01/2020 đến ngày xét xử 07/01/2022 là 23 tháng 8 ngày với lãi suất là 1%/tháng = 360.632.000 đồng (Ba trăm sáu mươi triệu sáu trăm ba mươi hai nghìn đồng). Bị đơn ông Nguyễn Văn H thừa nhận có vay nợ của chị Dương Thị Kiều M theo như hợp đồng vay nợ ngày 28/11/2019 là đúng, ông H đồng ý trả số nợ gốc và số nợ lãi theo yêu cầu của chị M nhưng do kinh tế khó khăn nên ông H nhận sẽ trả số nợ gốc 1.350.000.000 đồng (Một tỷ ba trăm năm mươi triệu đồng) còn lại số gốc và toàn bộ số nợ lãi ông đề nghị chị M anh V miễn cho ông không phải trả. Ông H xác nhận việc vay nợ giữa ông và chị M là khoản nợ riêng không liên quan gì đến vợ ông chị Nguyễn Thị M.

Theo nội dung hợp đồng vay tiền trên thể hiện thì đây là khoản vay có kỳ hạn và không có lãi suất được quy định tại Điều 463 và khoản 1 Điều 470 Bộ luật Dân sự.

Hội đồng xét xử xét thấy hợp đồng vay tiền ngày 28/11/2019 ký kết giữa chị M ông H, các bên đều thực hiện tự nguyện, cả hai bên đều là những người có đủ nhận thức và có đủ năng lực hành vi dân sự. Nội dung trong hợp đồng vay tiền không trái với quy định pháp luật do vậy hợp đồng vay tiền nay là hợp pháp.

Mục đích ông H vay tiền là để sử dụng việc cá nhân chị Nguyễn Thị M là vợ ông H không hề biết ông H vay tiền chị M để làm gì, ông H cũng không cho chị M biết khoản vay này. Bản thân ông H một mình giao dịch vay nợ với chị M anh V, chị M anh V cũng xác nhận chỉ có một mình ông H giao dịch vay tiền còn chị M biết hay không thì chị M anh V không biết. Do anh H vay tiền không sử dụng vào việc việc chung của gia đình mà sử dụng vào việc cá nhân nên cần xác định khoản tiền vay này là tiền vay cá nhân của riêng ông H không liên quan gì đến chị M vợ ông H. Do đó có đủ căn cứ để xác định ông Nguyễn Văn H có vay chị Dương Thị Kiều M số tiền 1.550.000.000 đồng (Một tỷ năm trăm năm mươi triệu đồng) vào ngày 28/11/2019. Số tiền chị M cho ông H vay là tài sản chung của chị M và anh V trong thời kỳ hôn nhân. Do đó cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị Kiều M đối với ông Nguyễn Văn H. Buộc ông Nguyễn Văn H phải trả cho chị Dương Thị Kiều M và anh Nguyễn Mạnh V số tiền nợ gốc là 1.550.000.000 đồng (Một tỷ năm trăm năm mươi triệu đồng) là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về trách nhiệm trả nợ của ông H đối với số nợ gốc phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần được chấp nhận.

[2.2]. Đối với yêu cầu tính lãi, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay. Trong quá trình giải quyết vụ án chị Dương Thị Kiều M yêu cầu ông H phải trả chị tiền lãi tính từ ngày 28/11/2019 đến ngày 01/10/2020 là 22 tháng

x1%/tháng = 341.000.000 đồng (Ba trăm bốn mươi mốt triệu) và yêu cầu tiền lãi tính lãi suất 1%/tháng tính từ ngày 02/10/2021 tính đến ngày xét xử. Nay chị yêu cầu ông Nguyễn Văn H phải trả cho chị số tiền lãi của khoản tiền nợ gốc 1.550.00.000 đồng (Một tỷ năm trăm năm mươi triệu đồng) từ ngày 29/01/2020 đến ngày xét xử 07/01/2022 là 23 tháng 8 ngày với lãi xuất là 1%/tháng = 360.632.000 đồng (Ba trăm sáu mươi triệu sáu trăm ba mươi hai nghìn đồng) (Tương đương 516.600 đồng/ngày). Đối với yêu cầu tính lãi này ông H đồng ý trả lãi theo yêu cầu chị M nhưng ông đề nghị chị M cho ông xin không phải trả số tiền lãi này. Chị M không đồng ý. Anh Nguyễn Mạnh V đồng ý với yêu tính lãi của chị M. Xét yêu cầu tính lãi thì thấy chị M yêu cầu tính lãi của khoản tiền gốc 1.550.000.000 đồng (Một tỷ năm trăm năm mươi triệu đồng) từ ngày ông H vi phạm nghĩa vụ trả nợ 29/01/2020 với mức lãi suất 1%/tháng tức là 12%/năm, ông H đồng ý với yêu cầu tính lãi của chị M và không có ý kiến gì. Do vây cần xác định đây là sự thỏa thuận về lãi suất của các đương sự và không vượt quá 20%/năm là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự nên cần được chấp nhận. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về chấp nhận yêu cầu tính lãi của chị M là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần được chấp nhận. Cần buộc ông Nguyễn Văn H phải có trách nhiệm trả số tiền lãi cho chị M anh V tính từ ngày 29/01/2020 đến ngày xét xử 07/01/2022 là 23 tháng 8 ngày với lãi xuất là 1%/tháng = 360.632.000 đồng (Ba trăm sáu mươi triệu sáu trăm ba mươi hai nghìn đồng).

[2.3]. Trong vụ án này chị Nguyễn Thị M là vợ của ông Nguyễn Văn H, khi ông H vay tiền của chị M anh V thì chị không biết, không ký biên nhận và không được sử dụng số tiền anh H đã vay chị M. Chị M không chấp nhận trả nợ cùng ông H cho chị M anh V. Chị M anh V cũng xác nhận đây là khoản nợ riêng của ông H. Do vậy, không cần buộc chị M liên đới trả nợ cùng ông H số tiền nợ gốc, nợ lãi cho chị M anh V.

[2.4]. Trong quá trình giải quyết vụ án chị Dương Thị Kiều M đề nghị Toà án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời là "Phong toả tài sản của người có nghĩa vụ" đối với tài sản của ông Nguyễn Văn H. Ngày 8/10/2021 Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn đã ra Quyết định số 03/2021/QĐ-BPKCTT áp dụng biện pháp Phong toả tài sản của người có nghĩa vụ" đối với tài sản của ông Nguyễn Văn H là 02 diện tích đất và tài sản trên trên đất đứng tên ông Nguyễn Văn H tại tổ dân phố T, thị trấn C, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang. Anh Nguyễn Đình H là em trai ông Nguyễn Văn H được ông H làm thủ tục tặng cho 02 diện tích đất này. Tuy nhiên,

anh H xác định việc Toà án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đối với 02 diện tích đất này không ảnh hưởng đến quyền lợi của anh, anh không có ý kiến và yêu cầu gì. Tại phiên toà chị Dương Thị Kiều M vẫn đề nghị duy trì áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời này. Hội đồng xét xử xét thấy cần tiếp tục duy trì áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm này theo yêu cầu của chị M để đảm bảo thi hành án.

[3]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Dương Thị Kiều M được chấp nhận nên bị đơn ông Nguyễn Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền gốc và tiền lãi ông H phải trả chị M, anh V. Hoàn trả cho chị M tiền tạm ứng án phí đã nộp. Ý kiến đề nghị về việc trách nhiệm chịu án phí đối với bị đơn của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần được chấp nhận.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị Kiều M: Buộc ông Nguyễn Văn H phải trả cho chị Dương Thị Kiều M và anh Nguyễn Mạnh V số tiền nợ gốc là 1.550.000.000 đồng (Một tỷ năm trăm năm mươi triệu đồng) và tiền lãi từ ngày 29/01/2020 đến ngày 07/01/2022 là 23 tháng 8 ngày x 1%/tháng = 360.632.000 đồng (Ba trăm sáu mươi triệu sáu trăm ba mươi hai nghìn đồng). Tổng cả tiền gốc và tiền lãi là 1.910.632.000 đồng (Một tỷ chín trăm mười triệu sáu trăm ba mươi hai nghìn đồng).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, đến thời hạn thanh toán, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành án hoặc thi hành án không đầy đủ thì phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tiền trên số tiền chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự: thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Văn H phải chịu 69.318.900 đồng (Sáu mươi chín triệu ba trăm mười tám nghìn chín trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại chị Dương Thị Kiều M số tiền 34.400.000 đồng (Ba mươi tư triệu bốn trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0010402 ngày 10/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Ngạn;
- Chi cục THADS huyện Lục Ngạn;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đã ký

Nguyễn Đức Nhường